TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LƯƠNG NGỌC YẾN ANH**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **NGUYỄN ĐỨC ĐẸP**
2. Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **NGUYỄN THỊ THỦY –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang*** tham gia phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ TRANG** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1115/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Lê Đình T** - Sinh năm: 1979
ĐKHKTT: 280 đường 30/4, tổ dân phố P, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B** - Sinh năm: 1986
ĐKHKTT: Tổ 14 Tây N, phường V, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Lê Đình T trình bày:*

Tôi và cô Nguyễn Thị B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố R vào năm 2009. Quá trình chung sống, tôi và cô B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do có quá nhiều điểm khác biệt từ tính cách cho đến quan điểm sống. Chúng tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Từ năm 2016 cho đến nay, chúng tôi đã sống ly thân, không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, tôi làm đơn xin Tòa án cho tôi được ly hôn với cô Nguyễn Thị B, để tôi và cô B có điều kiện ổn định cuộc sống riêng.

Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày: 05/01/2010 và Lê Đình P, sinh ngày: 06/3/2014. Hiện nay, cháu T đang ở với tôi nên tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Còn cháu Pg đang ở với mẹ nên đề nghị giao cháu P cho cô B nuôi dưỡng.

Tôi không yêu cầu cô Nguyễn Thị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị B tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố R; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2008, quyển số 06, cấp ngày 11/02/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kình cãi. Cả hai đã tự sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại Tòa, ông T khẳng định không còn tình cảm với bà B nên xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị B lên làm việc. Nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa, bà B không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy bà B không có thiện chí trong việc mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy, mục đích hôn nhân của ông T và bà B không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Nguyên đơn ông Lê Đình T khai có 02 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày: 05/01/2010 và Lê Đình P, sinh ngày: 06/3/2014. Ông T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và đề nghị giao cháu P cho cô B trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét cháu Lê Đình T đang sống ổn định với ông Lê Đình T. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với cha nên giao cháu Lê Đình T cho nguyên đơn ông Lê Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn, là hợp lý.

Theo lời khai của nguyên đơn, khi ông T và bà B sống ly thân, bà B đã dẫn theo cháu Lê Đình P. Mặt khác, Tòa án không thể lấy lời khai của bà B về vấn đề con chung nên tiếp tục giao cháu Lê Đình P cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn, là hợp lý.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Nguyên đơn ông Lê Đình T không yêu cầu bà Nguyễn Thị B cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Nếu sau này, các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn ông Lê Đình T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

[6] Án phí:

Nguyên đơn ông Lê Đình T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Đình T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị B được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cháu Lê Đình T, sinh ngày: 05/01/2010 cho ông Lê Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

- Giao cháu Lê Đình P, sinh ngày: 06/3/2014 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Ông Lê Đình T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác, khi có đơn khởi kiện.

Ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông Lê Đình T không có yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Án phí: Ông Lê Đình T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007574 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Lê Đình T đã nộp đủ án phí.

5. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Ông Lê Đình T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Nha Trang
- Đương sự
- THADS Tp. Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- UBND phường C, tp. R.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí)

Lương Ngọc Yến Anh